

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 230/2025/HS-PT
Ngày: 07-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phùng Anh Dũng**
Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**
bà **Trần Thị Kim Liên**

Thư ký phiên tòa: ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** về tội “Mua bán trái phép chất độc”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/12/1960, tại huyện P, tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Thanh X** và bà **Trần Thị L** (đều đã chết); có chồng là **Nguyễn Hữu H** (đã ly hôn) và có 01 con chung sinh năm 1998; hiện chung sống như vợ chồng với ông **Ngô Ngọc B**; tiền án: ngày 23/6/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đến nay chưa thi hành án phí hình sự và tiền phạt bổ sung); tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/3/2015 chuyển tạm giam 20/3/2015 và thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 28/6/2016. Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 09/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Luật sư **Nguyễn Thanh C** - Văn phòng Luật sư **Đào Duy K**, thuộc

Đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng N theo yêu cầu của người thân thích (chị gái) của bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết S - Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: Tổ C, khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 phút giờ ngày 17/3/2015, tại khu vực D thuộc thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, Tổ tuần tra Đoàn Công an T (thuộc Công an huyện P) phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Thị Hồng N đang vận chuyển 08 bao lạt chứa 400 kilôgam chất độc Sodium Cyanide (NaCN) trên xe ô tô biển kiểm soát 92C-049.39 do anh Trần Xuân Đ (sinh năm 1982; trú tại: Khối phố E, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) điều khiển.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2014, Nguyễn Thị Hồng N hợp tác với Công ty T1 (gọi tắt Công ty T1) đầu tư sản xuất, chế biến tận thu kim loại vàng tại khu H, thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (Dự án khai thác này là của Công ty T1 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đang còn trong giai đoạn thử nghiệm). Để sản xuất, chế biến tận thu kim loại vàng tại khu H, Công ty T1 đã đồng ý giao cho bà N quản lý điều hành, tự thuê nhân công, lao động, đầu tư trang thiết bị và tự hoạt động sản xuất chế biến trong giai đoạn thử nghiệm; nếu đạt kết quả tốt, sản phẩm có chất lượng cao thì Công ty T1 sẽ ký kết hợp đồng kinh tế với N. Công ty T1 chịu trách nhiệm cung cấp quặng và hóa chất cho N sản xuất, chế biến theo quy trình. Công ty T1 không giao hay ủy quyền cho N trong việc liên hệ mua hóa chất NaCN.

Trong quá trình sản xuất, vì số lượng hóa chất NaCN do Công ty T1 cung cấp không đủ để sử dụng nên N đã tự ý tìm mua hóa chất NaCN để đáp ứng nhu cầu sản xuất. N đã liên hệ với Nguyễn Công L1 ở tại Thành phố Hồ Chí Minh có bán hóa chất NaCN để đặt vấn đề mua NaCN và được L1 đồng ý. Nguyễn Thị Hồng N đã sử dụng số điện thoại 0975776486 liên hệ với Nguyễn Công L1 qua điện thoại số 0932384829 để trao đổi về việc mua bán NaCN. Sau khi trao đổi qua điện thoại, N đã vào Thành phố Hồ Chí Minh gặp L1 thỏa thuận việc mua bán NaCN; N và L1 đã thỏa thuận thống nhất với nhau về việc mua bán NaCN trên cơ sở mỗi lần mua bán NaCN thì N thanh toán tiền thông qua số tài khoản 060054603897 của Nguyễn Công L1 mở tại Ngân hàng S2 chi nhánh B1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời L1 chuyển NaCN ra cho N bằng cách đóng gói hàng và gửi theo xe ô tô khách, khi đến nơi chủ xe vận chuyển liên hệ với N đến nhận hàng tại nơi N đã hẹn. Tổng cộng, giữa Nguyễn Công L2 và Nguyễn Thị Hồng N đã 07 (bảy) lần thỏa thuận, mua bán NaCN với tổng số lượng là 1720 kilôgam, cụ thể:

- Lần thứ 1: ngày 18/12/2014, L1 bán cho N 250 kilôgam NaCN;
- Lần thứ 2: ngày 07/01/2015, L1 bán cho N 350 kilôgam NaCN;
- Lần thứ 3: ngày 17/01/2015, L1 bán cho N 200 kilôgam NaCN;

- Lần thứ 4: ngày 27/01/2015, L1 bán cho N 150 kilôgam NaCN;
- Lần thứ 5: ngày 03/02/2015, L1 bán cho N 250 kilôgam NaCN;
- Lần thứ 6: ngày 02/03/2015, L1 bán cho N 120 kilôgam NaCN;
- Lần thứ 7: ngày 14/3/2015, L1 bán cho N 400 kilôgam NaCN, khi vận chuyển về tại khu H, thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào ngày 17/3/2015 thì bị bắt quả tang, tạm giữ 08 bao lát.

Đối với Nguyễn Công L1, nguyên là chủ Cơ sở kinh doanh xi mạ Q, địa chỉ: Số F, ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 50H8012130 do Phòng Tài chính huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 04/3/2014. Cơ sở kinh doanh xi mạ Quang D được phép mua hóa chất Sodium Cyanide (NaCN) về để phục vụ sản xuất, chế biến nên L1 đã mua hợp pháp của Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2, địa chỉ: 1 Hòa Bình, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) với số lượng là 1.500 (một ngàn năm trăm) kilôgam với số tiền là 179.999.050 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn không trăm năm mươi đồng) theo các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001754 ngày 01/05/2014 và số 0001863 ngày 13/12/2014; việc mua bán của hai bên đúng theo quy định của pháp luật (có hợp đồng mua bán, phiếu kiểm soát chất độc, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT). Lịch khai do kinh doanh thua lỗ nên Cơ sở kinh doanh xi mạ Quang D còn tồn kho lại 1.320 (một ngàn ba trăm hai mươi) kilôgam NaCN. Khi N hỏi mua NaCN, L1 đã bán số hàng tồn kho còn lại trên cho N.

Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Nam đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với Nguyễn Công L1 về tội “Mua bán trái phép chất độc” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo L1 10 năm tù (Bản án hình sự số 11/2020/HS-ST ngày 13/5/2020 của TAND tỉnh Quảng Nam), Nguyễn Thị Hồng N đã bỏ trốn, đến ngày 09/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q bắt truy nã Nguyễn Thị Hồng N.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Hồng N đã thừa nhận trong thời gian tháng 12/2014 đến tháng 3/2015, N đã 07 lần mua trái phép NaCN từ Nguyễn Công L1, tổng khối lượng 1.720 kilôgam với giá 397.000.000 đồng.

Riêng đối hành vi mua bán 400 (bốn trăm) kilôgam NaCN giữa Nguyễn Thị Hồng N và Nguyễn Công L1 vào ngày 14/3/2015, quá trình điều tra xác định Nguyễn Công L1 là người đã liên hệ trực tiếp với Chi nhánh 1 - Công ty TNHH S3 (gọi tắt Công ty S3, địa chỉ D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh) thông qua Hoàng Xuân D1 là Kế toán của Chi nhánh để thỏa thuận, mua 400 kilôgam NaCN với giá 4.920.080 đồng. Sau đó, D1 gọi điện thoại cho Trần Doãn P là Trưởng Chi nhánh 1 kiêm Thủ kho của Chi nhánh 1 để thông báo là có Nguyễn Công L1 mua 400 kilôgam NaCN nên P đến kho tại Lô C, Đường B, Khu công nghiệp T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để mở kho, xuất cho một người thanh niên điều khiển xe ba gác nhận hàng (không rõ nhân thân, lai lịch).

Quá trình mua bán, mặc dù Hoàng Xuân D1, Trần Doãn P không quen biết với Nguyễn Thị Hồng N, trước đó cũng chưa từng bán NaCN cho N nhưng Hoàng Xuân D1, Trần Doãn P đã không kiểm tra điều kiện của người mua khi xuất Hóa đơn bán hàng, không lập hồ sơ hợp đồng mua bán, không có Phiếu kiểm soát mua, bán chất

độc nhưng vẫn bán cho N (Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000415 ngày 17/03/2015 của Công ty S3 xuất cho Nguyễn Thị Hồng N). Quá trình xuất kho thì Trần Doãn P không kiểm tra người tiếp nhận hóa chất tại kho hàng mà chuyển một người vận chuyển không rõ nhân thân, lai lịch. Sau khi Nguyễn Công L1 đã nhận 400 kilôgam NaCN nêu trên, L1 đã gửi xe khách tuyến Bắc - Nam từ Thành phố Hồ Chí Minh ra tỉnh Quảng Nam giao cho Nguyễn Thị Hồng N với giá 150.000 đồng/01 kilôgam, khi N tiếp nhận, vận chuyển từ thành phố T đến xã T, huyện P thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

1. Về vật chứng tạm giữ:

Các vật chứng của vụ án đã được quyết định xử lý theo Bản án hình sự số 11/2020/HS-ST ngày 13/5/2020 của TAND tỉnh Quảng Nam.

Quá trình điều tra, ngày 06/7/2024, Công ty TNHH S3 giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 4.920.000 đồng, hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q.

2. Kết quả trả lời, cung cấp của cơ quan chuyên môn, tổ chức có liên quan:

2.1. Tại Kết luận giám định số 101/C54C-Đ4 ngày 19/3/2015 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận các viên nén màu trắng hình tròn, đựng trong 08 (tám) túi nilon được đánh số từ 01 đến 08 gửi giám định đều là S1 (NaCN). Sodiumcyanide (NaCN) rất độc đối với người và gia súc.

2.2. Tại Công văn số 562/SCT-QLCN ngày 10/4/2024 của Sở Công thương tỉnh Q về việc cung cấp thông tin, theo đó:

A. Theo quy định của pháp luật (áp dụng vào tháng 3/2015) bên mua và bên bán chất độc Sodium Cyanide (NaCN) cần có các giấy tờ sau:

- Đối với bên bán:

+ Sodium Cyanide (NaCN) thuộc danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh được sửa đổi, bổ sung (ban hành tại Phụ lục 2 kèm theo Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2021 của Chính phủ), vì vậy muốn kinh doanh loại hóa chất này, bên bán phải có Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Hóa chất năm 2007);

+ Sodium Cyanide (NaCN) thuộc danh mục hóa chất độc phải xây dựng phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc (ban hành tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ). Vì vậy, yêu cầu phải có phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc (quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 23 Luật Hóa chất).

- Đối với bên mua: tùy theo mục đích sử dụng hóa chất mà tổ chức, cá nhân sử dụng phải thực hiện các quy định tại Điều 30, 31, 32, 33, 34, 35 thuộc Chương V của Luật Hóa chất. Ngoài ra, bên mua phải có phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc và phiếu phải được lưu giữ tại bên mua ít nhất 05 năm và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu (quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Hóa chất).

B. Việc Chi nhánh 1 Công ty TNHH S3 bán cho N 400kg chất độc NaCN chỉ có xuất hóa đơn giá trị gia tăng mà không có hợp đồng mua bán, không có phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc, không phiếu xuất kho giữa Công ty với N thì có đúng quy định không?

- Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 23 Luật Hóa chất về kiểm soát, mua bán hóa chất độc như sau:

Việc mua, bán hóa chất độc phải có phiếu kiểm soát, có xác nhận của bên mua, bên bán để làm cơ sở cho việc kiểm soát hóa chất độc lưu thông trên thị trường.

Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc bao gồm các thông tin về tên hóa chất, số lượng hóa chất, mục đích sử dụng; tên, chữ ký của người mua, người bán; địa chỉ; số Chứng minh nhân dân của người đại diện bên mua và bên bán; người giao hàng.

Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc phải được lưu giữ tại bên, bên mua ít nhất 05 năm và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Vì vậy, đối với việc mua bán hóa chất độc không có phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc là không đúng theo quy định của Luật Hóa chất.

2.3. Tại Công văn số 01-DV/CQCSĐT ngày 11/4/2024 của Công ty TNHH S3 cung cấp thông tin: Hiện tại Chi nhánh 1 Công ty TNHH S3 đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2021 đến nay. Hoàng Xuân D1 hiện tại là Cộng tác viên của Công ty TNHH S3, Trần Doãn P đã nghỉ, không còn làm việc tại chi nhánh Công ty kể từ khi chi nhánh Công ty tạm ngừng hoạt động.

Qua quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Hoàng Xuân D1 và Trần Doãn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 311; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “Mua bán trái phép chất độc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt truy nã, tạm giữ ngày 09/01/2024. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2015 đến ngày 28/6/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/01/2025, bị cáo Nguyễn Thị Hồng N kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu: Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo có căn cứ, đúng pháp luật và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và xử phạt bị cáo 15 năm tù là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thị Tuyết S bào chữa cho bị cáo: Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp biên lai án phí sơ thẩm, có giấy xác nhận có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo

L1 là người bán chất độc cho bị cáo N nhưng chỉ bị xử phạt 10 năm tù là không công bằng với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo cũng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với các cơ quan tố tụng. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm t khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 54 để xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo N thống nhất với quan điểm của luật sư bào chữa và không có trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/01/2025, bị cáo Nguyễn Thị Hồng N kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, kháng cáo của bị cáo đảm bảo còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và các tài liệu, chứng cứ được chứng minh có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 12/2014 đến ngày 17/3/2015, bị cáo Nguyễn Thị Hồng N đã 07 lần mua trái phép chất độc Sodium Cyanide (NaCN) từ Nguyễn Công L1, tổng khối lượng 1.720 kilôgam với giá 397.000.000 đồng. Trong lần mua bán thứ 7, khi Nguyễn Công L1 liên hệ mua 400 kilôgam chất độc NaCN thì bị cáo Hoàng Xuân D1 (Kế toán của Chi nhánh 1 - Công ty TNHH S3) là người trực tiếp bán cho Nguyễn Công L1 nhưng ghi hóa đơn bán hàng cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng N; không có hợp đồng mua bán, không có phiếu kiểm soát chất độc. Bị cáo Trần Doãn P là Trưởng Chi nhánh 1 - Công ty TNHH S3, ký hóa đơn bán 400 kilôgam NaCN nêu trên cho người mua Nguyễn Thị Hồng N. Đồng thời, quá trình xuất kho thì bị cáo Trần Doãn P không kiểm tra người tiếp nhận hóa chất tại kho hàng mà chuyển một người vận chuyển không rõ nhân thân. Sau khi Nguyễn Công L1 đã nhận 400 kilôgam chất độc NaCN nêu trên, L1 đã gửi xe khách tuyến Bắc - Nam từ Thành phố Hồ Chí Minh ra tỉnh Quảng Nam giao cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, khi N tiếp nhận, đang trên đường vận chuyển từ thành phố T đến xã T thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất độc” với tình tiết định khung tăng nặng “Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy:

Chất độc Sodium Cyanide (NaCN) là loại vật tư kỹ thuật đặc biệt do Nhà nước độc quyền quản lý; chỉ các tổ chức, cơ quan, đơn vị được cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền cấp phép mới được sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật nhận thức rõ và hiểu được những quy định của pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi và thiếu ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật nên đã có hành vi mua bán chất độc và bất chấp những quy định nghiêm cấm của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm hoạt động quản lý của Nhà nước về các loại vật tư kỹ thuật độc quyền mà còn phương hại nền an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và những hậu quả xấu có thể xảy ra. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với loại tội phạm này trong đời sống xã hội.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò thực hành tội phạm của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** 07 lần mua bán trái phép chất độc; quá trình điều tra xác định bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy, bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N**, đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra ra các đồng phạm trong vụ án, các bị cáo **L1, D2, P** nhưng chưa được cấp sơ thẩm đánh giá xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm t khoản 1 điều 51 BLHS, bị cáo có xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc khoản 2 điều 51 BLHS là các tình tiết mới; hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo có phần nghiêm khắc hơn so với các đồng phạm trong vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là thảo đáng.

Xét thấy bị cáo **N** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn là đủ sức răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N**, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số

09/2025/HS-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phân hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** như sau:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** phạm tội “Mua bán trái phép chất độc”;

1.2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 311; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt truy nã, tạm giữ ngày 09/01/2024. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2015 đến ngày 28/6/2016.

2. Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng